



NEXIA ACPA
Auditing & Consulting

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc



Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Tuấn Tú	Chủ tịch	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Lâm Thiếu Quân	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2008	16 tháng 7 năm 2013
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Tạ Huy Phong	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Thanh Khiết	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	9 tháng 4 năm 2010	16 tháng 7 năm 2013
Ông Mai Minh Tân	Thành viên	28 tháng 3 năm 2012	16 tháng 7 năm 2013

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Trưởng ban	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	9 tháng 4 năm 2010	16 tháng 7 năm 2013
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	Thành viên	27 tháng 11 năm 2013	-
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	-
Bà Lương Ái Trúc	Thành viên	16 tháng 7 năm 2013	27 tháng 11 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Hoàng	Thành viên	15 tháng 4 năm 2011	16 tháng 7 năm 2013

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Tổng Giám đốc	13 tháng 7 năm 2009	-
Ông Tạ Huy Phong	Giám đốc điều hành	1 tháng 10 năm 2007	-
Ông Trương Thái Quảng	Phó Giám đốc	1 tháng 6 năm 2011	-
Ông Lê Công Việt	Phó Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013	-
Ông Nguyễn Tâm Trí	Phó Giám đốc	1 tháng 10 năm 2007	20 tháng 8 năm 2013

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc,

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 5 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 131-21-13 (FY 2013)

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày cùng với tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính gây ra bởi gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



NGUYỄN QUỐC TUẤN

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0253-2013-068-1
Phó Tổng Giám đốc

*Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 2 tháng 6 năm 2014*

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0817-2013-068-1
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		126.107.529.235	175.236.565.389
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	23.340.324.366	62.386.046.973
Tiền	111		9.840.324.366	5.919.046.973
Các khoản tương đương tiền	112		13.500.000.000	56.467.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.465.080.599	11.460.400.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	4	49.465.080.599	11.460.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.002.695.653	80.145.482.626
Phải thu khách hàng	131	30	34.822.703.191	31.840.035.766
Trả trước cho người bán	132		921.432.527	656.259.595
Phải thu khác	135	5; 30	8.949.911.258	48.674.067.135
Dự phòng phải thu khó đòi	139	6	(2.691.351.323)	(1.024.879.870)
Hàng tồn kho	140	7	7.358.917.651	17.036.736.700
Hàng tồn kho	141		9.456.987.963	19.122.999.576
Dự phòng hàng tồn kho	149		(2.098.070.312)	(2.086.262.876)
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.940.510.966	4.207.899.090
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.885.023.467	1.730.529.864
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	259.463.903
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước	153		-	1.081.030.526
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.055.487.499	1.136.874.797
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.759.765.765	36.117.104.214
Tài sản cố định	220		1.223.461.173	680.127.032
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.223.461.173	541.948.586
- Nguyên giá	222		2.144.978.995	3.588.309.293
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(921.517.822)	(3.046.360.707)
Tài sản cố định vô hình	227	11	-	20.109.441
- Nguyên giá	228		109.688.000	109.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.688.000)	(89.578.559)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	-	118.069.005
Bất động sản đầu tư	240	13	3.385.063.089	9.232.221.064
- Nguyên giá	241		40.035.407.440	39.999.680.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(36.650.344.351)	(30.767.459.720)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.910.075.621	22.279.558.608
Đầu tư vào công ty con	251	14	16.629.330.000	16.629.330.000
Đầu tư dài hạn khác	258	15	4.178.160.308	5.650.228.608
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	259	16	(3.897.414.687)	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.241.165.882	3.925.197.510
Chi phí trả trước dài hạn	261		389.162.314	1.042.797.884
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	27	176.210.880	36.888.698
Tài sản dài hạn khác	268	17	2.675.792.688	2.845.510.928
TỔNG TÀI SẢN	270		150.867.295.000	211.353.669.603

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		46.411.390.076	64.935.329.591
Nợ ngắn hạn	310		33.122.038.401	56.658.263.821
Vay ngắn hạn	311		-	2.318.930.188
Phải trả người bán	312	30	21.389.962.893	26.928.046.280
Người mua trả tiền trước	313		1.987.790.703	2.988.801.256
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	3.836.832.782	15.086.098.001
Phải trả người lao động	315		-	2.500.000
Chi phí phải trả	316		410.329.264	558.193.744
Phải trả khác	319	19; 30	2.954.676.331	6.001.633.833
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		824.010.936	1.049.278.795
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.718.435.492	1.724.781.724
Nợ dài hạn	330		13.289.351.675	8.277.065.770
Dự phòng phải trả dài hạn	337		564.365.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		12.724.986.675	7.058.045.834
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	1.219.019.936
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		104.455.904.924	146.418.340.012
Vốn chủ sở hữu	410	20	104.455.904.924	146.418.340.012
Vốn cổ phần	411		92.364.460.000	92.364.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.083.358.132	6.083.358.132
Cổ phiếu quỹ	414		(1.007.355.357)	(1.007.355.357)
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.911.127.074	2.206.932.831
Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.104.315.075	46.770.944.406
TỔNG NGUỒN VỐN	440		150.867.295.000	211.353.669.603

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 5 năm 2014



Người phê duyệt: 

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

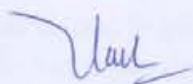
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
			31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	135.423.263.767	122.367.782.624
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	21	(18.054.000)	(60.698.220)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	21	135.405.209.767	122.307.084.404
Giá vốn hàng bán	11	22; 31	(100.602.167.488)	(86.068.255.250)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.803.042.279	36.238.829.154
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	8.410.602.669	63.987.251.300
Chi phí tài chính	22	24	(4.241.311.935)	(465.696.181)
Chi phí bán hàng	24	31	(9.037.303.243)	(9.374.706.468)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	(10.098.019.671)	(10.298.178.315)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.837.010.099	80.087.499.490
Thu nhập khác	31	25	566.116.452	594.999.923
Chi phí khác	32	26	(137.571.107)	(4.204.123.877)
Lợi nhuận/(chi phí) khác	40		428.545.345	(3.609.123.954)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.265.555.444	76.478.375.536
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	(4.117.554.388)	(16.870.840.792)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	139.322.182	(11.298.939)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	20	16.287.323.238	59.596.235.805

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Người phê duyệt: 

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 5 năm 2014

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
			kết thúc	kết thúc
			31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		20.265.555.444	76.478.375.536
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.543.039.295	7.133.800.542
Thay đổi các khoản dự phòng	03		5.575.693.576	557.075.002
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(298.395.982)	(402.012.584)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.410.492.850)	(63.893.653.434)
Chi phí lãi vay	06		49.945.114	377.987.209
<hr/>				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		23.725.344.597	20.251.572.271
Giảm các khoản phải thu	09		3.052.755.338	21.907.900.164
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		9.666.011.613	(591.777.388)
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(5.360.260.151)	(8.041.665.007)
Giảm chi phí trả trước	12		719.387.144	431.430.081
Tiền lãi vay đã trả	13		(49.945.114)	(377.987.209)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(15.866.574.256)	(6.863.883.031)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		169.718.240	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.228.377.228)	(6.600.928.264)
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		13.828.060.183	20.114.661.617
<hr/>				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.461.064.656)	(828.307.067)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		410.000.000	335.501.409
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(59.465.080.599)	(18.280.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		22.932.468.300	24.620.240.308
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		-	(12.000.000.000)
Tiền thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại công ty liên kết	26		31.061.186.970	31.061.186.970
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.204.005.723	22.871.838.358
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động đầu tư	30		4.681.515.738	47.780.459.978
<hr/>				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(721.230.225)
Tiền vay nhận được	33		17.400.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19.718.930.188)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(55.236.368.340)	(25.748.398.300)
<hr/>				
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(57.555.298.528)	(26.469.628.525)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

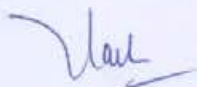
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
			31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM/KỶ	50		(39.045.722.607)	41.425.493.070
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM/KỶ	60	3	62.386.046.973	20.960.553.903
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM/KỶ	70	3	23.340.324.366	62.386.046.973

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Trong năm/kỳ có các giao dịch chủ yếu không bằng tiền như sau:

Nội dung	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Phải trả cổ tức và thuế thu nhập cá nhân cho các cổ đông đã nhận cổ tức	1.665.966.860	-
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	-	30.002.973.940
Phải trả người bán chuyển sang vay ngắn hạn	-	2.318.930.188
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty liên kết	-	1.058.213.030
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	-	110.000.000

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 5 năm 2014



Người phê duyệt:

NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (trước đây là Công ty TNHH Kỹ thuật Điện Toàn Cầu) ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 045928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 11 năm 1996. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301446863 (trước đây là số 4103004205) ngày 28 tháng 12 năm 2005, Công ty đã chuyển loại hình doanh nghiệp từ công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp để tăng vốn điều lệ và mở rộng ngành nghề kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1 Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động của Công ty là mua bán thiết bị điện, điện tử, máy phát điện, thiết bị chống sét; đại lý ký gửi hàng hóa; mua bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy; thiết bị chống trộm, thiết bị chiếu sáng cho xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, mua bán thiết bị điện lạnh trong công nghiệp và dân dụng; mua bán máy móc, phụ tùng, thiết bị chế biến gỗ; nghiên cứu chế tạo, sản xuất, lắp ráp thiết bị chống sét, thiết bị điện, điện tử; mua bán hàng kim khí điện máy, thiết bị điện, điện tử, tin học; tư vấn, cung cấp, lắp đặt các giải pháp về trung tâm dữ liệu, thông tin; sản xuất, cung cấp thiết bị cho phòng thí nghiệm, xử lý môi trường; xây dựng dân dụng; xây lắp trạm và đường dây trung thế, hạ thế từ 35KV trở xuống; sản xuất và lắp ráp thiết bị phân phối, điều khiển trung thế và hạ thế từ 35KV trở xuống; xây dựng giao thông, thủy lợi; dịch vụ cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi; mua bán các sản phẩm cơ khí; mua bán đồng, sắt, thép; mua bán hóa chất, nồi hơi, thiết bị hàn và sản phẩm tiết kiệm năng lượng; môi giới và kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cho thuê thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, điện lạnh và sản xuất thiết bị viễn thông; sản xuất hóa chất; sản xuất accu điện, bộ phận cấp điện liên tục UPS; sản xuất phần mềm tin học; đại lý cung cấp dịch vụ Internet.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 92.364.460.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	4.405.749	47,70%	4.129.249	44,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tánh Linh	1.647.000	17,83%	-	-
Ông Võ Hùng VI	422.196	4,57%	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất	354.500	3,84%	-	-
Bà Nguyễn Hương Giang	149.765	1,62%	-	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	108.339	1,17%	543.339	5,88%
Ông Tạ Huy Phong	57.034	0,62%	182.034	1,97%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	-	-	1.767.536	19,14%
Cổ phiếu quỹ	58.650	0,63%	58.650	0,63%
Các cổ đông khác	2.033.213	22,02%	2.555.638	27,67%
	9.236.446	100,00%	9.236.446	100,00%

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Công ty có 66 nhân viên (31 tháng 3 năm 2013: 73 nhân viên).

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến được thừa nhận ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong kỳ trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành khoản nợ tài chính đó.

Các khoản nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả, phải trả khác và dự phòng phải trả ngắn hạn.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu cho việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Máy móc và thiết bị	2 - 7
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2 - 6

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.10. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng trạm thu phát sóng chưa được hoàn toàn hoàn thành và được thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.12. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

2.13. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

2.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 0,35% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.16. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.19. Chi phí vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty con, các công ty liên kết và công ty liên doanh của Công ty và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tiền mặt	289.169.264	1.723.878.548
Tiền gửi ngân hàng	9.551.155.102	4.195.168.425
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	13.500.000.000	56.467.000.000
	23.340.324.366	62.386.046.973

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	781	837
- Euro ("EUR")	192	203

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	49.145.080.599	539.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ với lãi suất 12,00% một năm (2013: 16,20% một năm)	320.000.000	10.460.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Inno, công ty con và không tính lãi suất	-	461.400.000
	49.465.080.599	11.460.400.000

5. Phải thu khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Phải thu lãi cho vay	4.428.848.904	2.290.361.777
Phải thu cổ tức	4.080.000.000	9.012.000.000
Khoản phải thu hồi vốn góp từ Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	-	1.000.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	30.002.973.940
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong, công ty mẹ	-	2.850.000.000
Khoản vay cung cấp cho các công ty liên quan	-	1.950.000.000
Phải thu hồi vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	1.058.213.030
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	-	110.000.000
Phải thu phí tiện ích	98.915.401	80.456.228
Phải thu khác	342.146.953	320.062.160
	8.949.911.258	48.674.067.135

6. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	1.024.879.870	888.105.809
Dự phòng tăng trong năm/kỳ	1.861.504.258	921.304.277
Hoàn nhập dự phòng trong năm/kỳ	(195.032.805)	(784.530.216)
Số dư cuối năm/kỳ	2.691.351.323	1.024.879.870

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Hàng tồn kho

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Nguyên vật liệu	2.167.120.706	2.648.873.900
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.049.594.221	7.288.022.199
Thành phẩm	400.920.066	418.215.642
Hàng hóa	4.839.352.970	8.767.887.835
	9.456.987.963	19.122.999.576
Dự phòng hàng tồn kho	(2.098.070.312)	(2.086.262.876)
	7.358.917.651	17.036.736.700

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	2.086.262.876	1.665.961.935
Dự phòng tăng trong năm/kỳ	11.807.436	420.300.941
Số dư cuối năm/kỳ	2.098.070.312	2.086.262.876

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Thuê đất cho trạm thu phát sóng	Dụng cụ văn phòng	Công cụ và dụng cụ	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	1.489.537.153	230.905.429	10.087.282	-	1.730.529.864
Tăng trong năm	6.327.408.300	987.764.159	-	261.689.290	7.576.861.749
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	102.176.172	-	-	102.176.172
Phân bổ trong năm	(6.114.112.022)	(1.138.655.724)	(10.087.282)	(261.689.290)	(7.524.544.318)
Số dư cuối năm	1.702.833.431	182.190.036	-	-	1.885.023.467

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tạm ứng	1.674.496.772	875.142.004
Đặt cọc ngắn hạn	380.990.727	261.732.793
	2.055.487.499	1.136.874.797

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	139.106.240	361.322.879	2.289.230.995	798.649.179	3.588.309.293
Tăng trong năm	94.132.098	-	1.187.122.727	-	1.281.254.825
Kết chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(285.257.293)	-	(655.312.262)	(940.569.555)
Thanh lý	-	-	(1.784.015.568)	-	(1.784.015.568)
Số dư cuối năm	233.238.338	76.065.586	1.692.338.154	143.336.917	2.144.978.995
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(31.041.314)	(310.475.768)	(2.055.333.407)	(649.510.218)	(3.046.360.707)
Hao mòn trong năm	(35.276.333)	(13.596.514)	(403.030.668)	(45.662.551)	(497.566.066)
Kết chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	267.670.245	-	570.723.138	838.393.383
Thanh lý	-	-	1.784.015.568	-	1.784.015.568
Số dư cuối năm	(66.317.647)	(56.402.037)	(674.348.507)	(124.449.631)	(921.517.822)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	108.064.926	50.847.111	233.897.588	149.138.961	541.948.586
Số dư cuối năm	166.920.691	19.663.549	1.017.989.647	18.887.286	1.223.461.173

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 505 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (31 tháng 3 năm 2013: 1.369 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	109.688.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(89.578.559)
Hao mòn trong năm	(20.109.441)
Số dư cuối năm	(109.688.000)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	20.109.441
Số dư cuối năm	-

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 110 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	118.069.005	1.236.518.921
Tăng trong năm/kỳ	102.900.740	581.311.417
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(102.900.740)	(1.636.761.333)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(118.069.005)	-
Số dư cuối năm/kỳ	-	118.069.005

13. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	39.999.680.784
Tăng trong năm	76.909.091
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	102.900.740
Thanh lý	(144.083.175)
Số dư cuối năm	40.035.407.440
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(30.767.459.720)
Hao mòn trong năm	(6.025.363.788)
Thanh lý	142.479.157
Số dư cuối năm	(36.650.344.351)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	9.232.221.064
Số dư cuối năm	3.385.063.089

14. Đầu tư vào công ty con

	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	% sở hữu	VND	% sở hữu	VND
Công ty Cổ phần Inno (*)	99,96%	14.994.000.000	99,96%	14.994.000.000
Công ty TNHH Liên doanh Global – Sitem	51,00%	1.635.330.000	51,00%	1.635.330.000
		16.629.330.000		16.629.330.000

(*) Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0303655453 ngày 24 tháng 9 năm 2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã đầu tư 14.994 triệu VNĐ, tương đương 99,96% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Inno.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm tại ngân hàng	1.247.608.308	2.719.676.608
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF (a)	1.831.595.000	1.831.595.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (b)	1.098.957.000	1.098.957.000
	4.178.160.308	5.650.228.608

- (a) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với số tiền là 100.000 USD.
(b) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Dự phòng tăng trong năm/kỳ và số dư cuối năm/kỳ	3.897.414.687	-

17. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Đặt cọc tiền thuê	2.066.850.000	2.179.350.000
Thế chấp tại ngân hàng để bảo lãnh cho các hợp đồng kinh tế	83.817.688	138.600.928
Đặt cọc khác	525.125.000	527.560.000
	2.675.792.688	2.845.510.928

18. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	665.216.996	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	175.636.521
Thuế xuất nhập khẩu	-	34.474.672
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000.144.293	14.749.164.161
Thuế thu nhập cá nhân	171.471.493	126.822.647
	3.836.832.782	15.086.098.001

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Phải trả khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	1.512.814.400	-
Quỹ phúc lợi phải trả công ty mẹ	283.987.600	40.898.290
Tiền thuê đất từ bên liên quan	77.783.333	169.683.333
Phí tiện ích	58.248.061	89.359.026
Khoản vay phải trả các bên liên quan và thành viên Hội đồng Quản trị (*)	-	1.491.562.217
Phải trả khác	1.021.842.937	4.210.130.967
	2.954.676.331	6.001.633.833

(*) Khoản vay các bên liên quan và thành viên Hội đồng Quản trị không phải đảm bảo và không chịu lãi suất.

20. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, 1 tháng 1 năm 2012	92.364.460.000	6.083.358.132	(286.125.132)	4.076.216.022	13.554.441.037	115.792.350.059
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	-	64.287.870.669	64.287.870.669
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.748.398.300)	(25.748.398.300)
Trích lập quỹ	-	-	-	3.213.609.000	(5.322.969.000)	(2.109.360.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(721.230.225)	-	-	(721.230.225)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế những năm trước	-	-	-	(5.082.892.191)	-	(5.082.892.191)
Số dư, 1 tháng 4 năm 2013	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	2.206.932.831	46.770.944.406	146.418.340.012
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	16.287.323.238	16.287.323.238
Chia cổ tức	-	-	-	-	(56.902.335.200)	(56.902.335.200)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	(1.051.617.369)	(1.051.617.369)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế các năm trước	-	-	-	(295.805.757)	-	(295.805.757)
Số dư, 31 tháng 3 năm 2014	92.364.460.000	6.083.358.132	(1.007.355.357)	1.911.127.074	5.104.315.075	104.455.904.924

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn cổ phần được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được phê duyệt	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Cổ phiếu đã phát hành	9.236.446	92.364.460.000	9.236.446	92.364.460.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	(58.650)	(1.007.355.357)	(58.650)	(1.007.355.357)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành	9.177.796	91.357.104.643	9.177.796	91.357.104.643

Tất cả cổ phiếu đều có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Doanh thu bán hàng hóa sản phẩm tích hợp, dịch vụ kỹ thuật	105.563.768.608	91.748.819.162
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	29.859.495.159	30.618.963.462
Tổng doanh thu	135.423.263.767	122.367.782.624
Khoản giảm trừ doanh thu – Hàng bán bị trả lại	(18.054.000)	(60.698.220)
Doanh thu thuần	135.405.209.767	122.307.084.404

22. Giá vốn hàng bán

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Giá vốn của hàng hóa sản phẩm tích hợp, dịch vụ kỹ thuật	82.541.621.272	68.607.423.624
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư	18.060.546.216	17.460.831.626
	100.602.167.488	86.068.255.250

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.313.087.477	3.621.476.347
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.448.000.000	29.496.000.000
Lãi cho vay	591.461.030	663.999.819
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	57.944.343	109.203.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.819	93.139.975
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Toàn Cầu, Công ty liên kết	-	30.002.973.940
Khác	-	457.891
	8.410.602.669	63.987.251.300

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

24. Chi phí tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	3.897.414.687	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	285.514.351	77.608.786
Chi phí lãi vay	49.945.114	377.987.209
Khác	8.437.783	10.100.186
	4.241.311.935	465.696.181

25. Thu nhập khác

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	300.000.000	445.501.409
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	163.436.094	13.575.997
Thu nhập khác	102.680.358	135.922.517
	566.116.452	594.999.923

26. Chi phí khác

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	124.852.250	2.745.454
Giá trị còn lại của tài sản cố định và tài sản dài hạn thanh lý	1.604.018	43.488.825
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	4.059.820.569
Chi phí khác	11.114.839	98.069.029
	137.571.107	4.204.123.877

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Luật thuế TNDN sửa đổi số 32/2013/QH13 của Quốc Hội ngày 19 tháng 6 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN sẽ được thay đổi từ 25% xuống còn 22% cho năm 2014 và 2015 và 20% cho các năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong năm/kỳ được tính như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm/kỳ hiện hành	4.678.409.797	11.844.634.639
Dự phòng (thừa)/thiếu những năm trước	(560.855.409)	5.026.206.153
	4.117.554.388	16.870.840.792
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
(Phát sinh)/hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(139.322.182)	11.298.939
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.978.232.206	16.882.139.731

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014		Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.265.555.444		76.478.375.536	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	5.066.388.861	25,00%	19.119.593.884	25,00%
Chi phí không được khấu trừ	100.212.830	0,49%	1.135.984.087	1,48%
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận được chia từ công ty con	(612.000.000)	(3,02%)	(7.374.000.000)	(9,64%)
Giảm thuế	-	-	(1.036.943.332)	(1,35%)
Chênh lệch do thay đổi thuế suất	(68.735.644)	(0,34%)	11.298.939	0,01%
Dự phòng (thừa)/thiếu những năm trước	(560.855.409)	(2,77%)	5.026.206.153	6,57%
Khác	53.221.568	0,27%	-	-
	3.978.232.206	19,63%	16.882.139.731	22,07%

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được công ty ghi nhận và tình hình biến động trong năm như sau:

	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2013	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2014
Dự phòng phải trả dài hạn	-	130.932.680	130.932.680
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	45.278.200	45.278.200
Chi phí bảo hành phải trả	36.888.698	(36.888.698)	-
	36.888.698	139.322.182	176.210.880

28. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

29. Các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro tài chính như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Chế độ và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là VNĐ. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	<u>31 tháng 3 năm 2014</u>	<u>31 tháng 3 năm 2013</u>
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền	781	837
Trả trước cho người bán	135.502	24.714
	<u>136.283</u>	<u>25.551</u>
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	204.472	150.162

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Công ty theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến lại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận của Công ty. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2014			
Phải trả người bán	21.046.151.497	343.811.396	21.389.962.893
Người mua trả tiền trước	1.987.790.703	-	1.987.790.703
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà nước	3.836.832.782	-	3.836.832.782
Chi phí phải trả	410.329.264	-	410.329.264
Phải trả khác	2.325.585.444	629.090.887	2.954.676.331
Dự phòng phải trả ngắn hạn	824.010.936	-	824.010.936
Dự phòng phải trả dài hạn	-	564.365.000	564.365.000
	30.430.700.626	1.537.267.283	31.967.967.909
31 tháng 3 năm 2013			
Vay ngắn hạn	2.318.930.188	-	2.318.930.188
Phải trả người bán	26.594.948.905	333.097.375	26.928.046.280
Người mua trả tiền trước	2.988.801.256	-	2.988.801.256
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	15.086.098.001	-	15.086.098.001
Chi phí phải trả	287.385.980	270.807.764	558.193.744
Phải trả khác	4.952.276.567	1.049.357.266	6.001.633.833
Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.049.278.795	-	1.049.278.795
	53.277.719.692	1.653.262.405	54.930.982.097

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh của Công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin các tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở giá trị thuần giữa tài sản và nợ.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2014			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.465.080.599	-	49.465.080.599
Phải thu khách hàng	33.536.908.467	1.285.794.724	34.822.703.191
Trả trước cho người bán	921.432.527	-	921.432.527
Phải thu khác	7.533.807.549	1.416.103.709	8.949.911.258
Tài sản ngắn hạn khác	2.055.487.499	-	2.055.487.499
Đầu tư dài hạn khác	-	4.178.160.308	4.178.160.308
Tài sản dài hạn khác	-	2.675.792.688	2.675.792.688
	93.512.716.641	9.555.851.429	103.068.568.070
31 tháng 3 năm 2013			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.460.400.000	-	11.460.400.000
Phải thu khách hàng	30.554.241.042	1.285.794.724	31.840.035.766
Trả trước cho người bán	623.532.124	32.727.471	656.259.595
Phải thu khác	47.532.683.802	1.141.383.333	48.674.067.135
Tài sản ngắn hạn khác	1.136.874.797	-	1.136.874.797
Đầu tư dài hạn khác	-	5.650.228.608	5.650.228.608
Tài sản dài hạn khác	2.845.510.928	-	2.845.510.928
	94.153.242.693	8.110.134.136	102.263.376.829

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm/kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
		31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Hội đồng quản trị	Tạm ứng	76.834.132	847.545.000
	Mượn tạm	(1.397.000.000)	-
	Mua tài sản thanh lý	(200.000.000)	-
	Lãi vay đến hạn	-	134.066.916
	Chi phí lãi vay	-	(442.276.312)
Ban Giám đốc	Tạm ứng	31.500.000	128.150.000
	Mua tài sản thanh lý	(110.000.000)	-
	Trả lãi cổ đông	-	(6.500.000)

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Số dư công nợ của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

Bên liên quan	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản phải thu			
Hội đồng Quản trị	Phải thu phi thương mại	123.633.039	-
Ban Giám đốc	Phải thu phi thương mại	9.000.000	106.807.318

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.819.868.777	2.166.616.489

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong năm/kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Bán hàng hóa và thành phẩm	210.605.300	153.163.724
		Thuê kho, thuê văn phòng và chi phí quản trị mạng	(2.263.450.498)	(2.284.303.300)
		Phải trả phí nhượng quyền và chi phí tiện ích khác	(1.292.055.000)	(2.845.096.219)
		Phải trả phí tiện ích	(267.191.962)	(341.005.294)
		Cho vay	3.320.000.000	11.540.500.000
		Cho mượn	350.000.000	3.250.000.000
		Phải thu chi phí tiện ích	17.779.107	76.827.611
		Lãi cho vay	471.104.667	433.727.850
		Phải trả quỹ khen thưởng phúc lợi	(463.670.000)	(649.888.324)
		Chia cổ tức	(25.933.143.802)	(11.561.897.200)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Bán hàng hóa và thành phẩm	1.055.762.445	58.454.365
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(30.406.279.487)	(23.103.255.507)
		Chi hộ phí bảo lãnh	74.499.404	34.024.483
		Phải thu chi phí tiện ích và chi phí khác	50.195.612	20.191.616
		Cho vay	7.800.000.000	300.000.000
		Lãi cho vay	51.485.167	990.000
		Cho mượn	596.575.000	1.920.289.000
		Thu nhập thu hộ đền vi phạm hợp đồng	124.852.250	-
Chia cổ tức	(2.448.000.000)	(4.896.000.000)		
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(990.500)
		Phải thu phí tiện ích	24.749.113	31.323.704
		Phải trả phí tiện ích	(10.288.000)	(277.500)
Công ty Cổ phần Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	502.294.000	235.896.700
		Phải thu phí tiện ích	43.724.127	73.334.396
		Phải trả phí tiện ích	(5.702.000)	(1.862.500)
		Cho vay	-	33.000.000
		Lãi cho vay	-	363.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
			31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
		Cho mượn	-	40.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	230.087.760	23.707.000
		Mua hàng hóa dịch vụ	(330.200.000)	-
		Phải thu phí tiện ích	25.634.427	14.013.047
		Phải trả phí tiện ích	(18.587.500)	(2.230.100)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	102.445.611	1.408.991.854
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.413.114.081)	(3.793.139.758)
		Phải thu phí tiện ích	43.867.010	56.952.775
		Phải trả phí tiện ích	(16.340.000)	(5.162.756)
		Cho vay	600.000.000	200.000.000
		Lãi cho vay	22.715.000	4.855.000
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	713.313.800	-
		Phải thu phí tiện ích	28.313.140	55.964.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Bên liên quan	Bán hàng hóa và thành phẩm	201.207.600	1.089.541.615
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(12.000.000)
		Phải trả phí tiện ích	-	(2.595.000)
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Góp vốn đầu tư	-	12.000.000.000
		Cho vay	-	5.647.000.000
		Chi hộ chi phí khác	11.444.000	3.439.000

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải thu phi thương mại	402.805.292	13.620.058.685
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải thu phi thương mại	4.125.682.370	3.588.131.466
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	6.628.908	6.679.778
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	155.011.199	29.194.035
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	6.563.039	7.576.855
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	339.472.792
		Phải thu phi thương mại	11.766.799	9.958.284
Công ty Cổ phần Inno	Công ty con	Phải thu phi thương mại	37.741.510	487.697.510
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	296.091.730
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu thương mại	431.760.780	-
		Phải thu phi thương mại	18.120.576	1.779.800
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu phi thương mại	-	1.000.000.000
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	Công ty mẹ	Phải trả thương mại	(64.040.965)	(254.405.185)
		Phải trả phi thương mại	(729.375.061)	(2.059.530.301)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Công ty con	Phải trả thương mại	(13.054.181.916)	(18.246.704.212)
		Phải trả phi thương mại	(70.537.464)	(14.329.374)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	-	(70.717.023)
		Phải trả phi thương mại	-	(170.343.663)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(49.038.963)	(161.480.789)
		Phải trả phi thương mại	-	(3.166.350)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(19.800.000)	-
		Phải trả phi thương mại	-	(502.217.600)
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(991.562.217)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(165.000)	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự Động Tân Tiến	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(1.767.700)	-

Các khoản phải thu/(phải trả) từ/(cho) công ty mẹ, các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan là không được đảm bảo và không tính lãi.

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

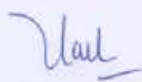
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

31. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm/kỳ như sau:


	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Giá mua hàng hóa xuất bán	82.658.648.713	75.063.263.604
Chi phí công nhân viên	13.622.190.727	11.433.129.889
Chi phí khấu hao	6.543.039.295	7.133.800.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.684.925.639	4.044.912.797
Chi phí nguyên vật liệu	1.069.529.155	4.381.442.735
Chi phí vật dụng văn phòng	441.803.230	447.764.085
Chi phí khác	2.533.095.224	4.413.307.962

Người lập: 



PHAN THỊ KIM ANH
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 5 năm 2014

Người phê duyệt: 



NGUYỄN HỮU DŨNG
Tổng Giám đốc